

中華科技大學 114 學年度秋季班新南向產學合作國際專班生物科技系

學生錄取名單

Danh sách trúng tuyển lớp Chuyên Ban Quốc Tế năm học 2025

經 114 年 7 月 14 日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Status
1.	大學部 Bachelor	范○草	PHAM PHUONG THAO	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
2.	大學部 Bachelor	蕭○玲	TIEU KHANH LINH	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
3.	大學部 Bachelor	河○銀	HA KIM NGAN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
4.	大學部 Bachelor	裴氏○蘭	BUI THI HOA LAN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
5.	大學部 Bachelor	微○緣	VI THI DUYEN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
6.	大學部 Bachelor	郭氏○蘭	QUACH THI NGOC LAN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
7.	大學部 Bachelor	范氏○玄	PHAM THI NGOC HUYEN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
8.	大學部 Bachelor	武氏○後	VU THI TU HAU	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
9.	大學部 Bachelor	黃氏○雪	HOANG THI ANH TUYET	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
10.	大學部 Bachelor	裴○福	BUI HOANG PHUC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
11.	大學部 Bachelor	朱明○慶	CHU MINH HOANG KHANG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
12.	大學部 Bachelor	鄧氏○蓮	DANG THI MAI LIEN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
13.	大學部 Bachelor	阮氏○竹	NGUYEN THI THANH TRUC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
14.	大學部 Bachelor	陳氏○玉	TRAN THI BICH NGOC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
15.	大學部 Bachelor	鄭○裝	TRINH KIEU TRANG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức

16.	大學部 Bachelor	何○懷	HA THI HOAI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
17.	大學部 Bachelor	蘇氏○映	TO THI NGOC ANH	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
18.	大學部 Bachelor	黃○勇	HOANG VAN DUNG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
19.	大學部 Bachelor	黎氏○莊	LE THI THUY TRANG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
20.	大學部 Bachelor	黎○奘	LE THI TRANG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
21.	大學部 Bachelor	阮氏○英	NGUYEN THI HAI ANH	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
22.	大學部 Bachelor	黎○軍	LE VAN QUAN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
23.	大學部 Bachelor	夏○梅	HA PHUONG MAI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
24.	大學部 Bachelor	黎氏○燕	LE THI HAI YEN	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
25.	大學部 Bachelor	阮○英	NGUYEN QUYNH ANH	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
26.	大學部 Bachelor	吳氏○草	NGO THI PHUONG THAO	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
27.	大學部 Bachelor	李○清	LY THI MOANG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
28.	大學部 Bachelor	黃氏○梅	HOANG THI PHUONG MAI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
29.	大學部 Bachelor	武氏○韋	VO THI THUY VI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
30.	大學部 Bachelor	任○麟	NHAM PHUOC LANH	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
31.	大學部 Bachelor	黃梅○玉	HOANG MAI BAO NGOC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
32.	大學部 Bachelor	潘○陶	PHAN THI DAO	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
33.	大學部 Bachelor	韋氏○芝	VI THI QUYNH CHI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
34.	大學部 Bachelor	高○意	CAO NHU Y	越南 Việt Nam	正取 Chính thức

35.	大學部 Bachelor	阮氏○絨	NGUYEN THI CAM NHUNG	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
36.	大學部 Bachelor	李○玉	LY THI NGOC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
37.	大學部 Bachelor	阮○水	NGUYEN THU THUY	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
38.	大學部 Bachelor	阮氏○薇	NGUYEN THI TRIEU VI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
39.	大學部 Bachelor	阮○才	NGUYEN TRUONG TAI	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
40.	大學部 Bachelor	阮○竹	NGUYEN THANH TRUC	越南 Việt Nam	正取 Chính thức
41.	大學部 Bachelor	阮氏○妝	NGUYEN THI KIEU TRANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
42.	大學部 Bachelor	陳○玉	TRAN YEN NGOC	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
43.	大學部 Bachelor	黎○好	LE THI HAO	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
44.	大學部 Bachelor	梁氏○雪	LUONG THI ANH TUYET	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
45.	大學部 Bachelor	陳氏○欣	TRAN THI NGOC HAN	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
46.	大學部 Bachelor	羅○璃	LO CAM LY	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
47.	大學部 Bachelor	農○翠	NONG PHUONG THUY	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
48.	大學部 Bachelor	費氏○書	PHI THI ANH THU	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
49.	大學部 Bachelor	阮○玲	NGUYEN THI LINH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
50.	大學部 Bachelor	阮○玲	NGUYEN PHUONG LINH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
51.	大學部 Bachelor	阮玉○英	NGUYEN NGOC CHAU ANH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
52.	大學部 Bachelor	胡氏○花	HO THI MAI HOA	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
53.	大學部 Bachelor	阮○團	NGUYEN TRONG DOAN	越南 Việt Nam	備取 Dự bi

54.	大學部 Bachelor	阮氏○兒	NGUYEN THI YEN NHI	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
55.	大學部 Bachelor	黎氏○玉	LE THI DIEM NGOC	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
56.	大學部 Bachelor	武○月	VU THI NGUYET	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
57.	大學部 Bachelor	鄭○章	TRINH VAN CHUONG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
58.	大學部 Bachelor	阮○東	NGUYEN THANH DONG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
59.	大學部 Bachelor	段○莊	DOAN THI TRANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
60.	大學部 Bachelor	阮○勇	NGUYEN TAN DUNG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
61.	大學部 Bachelor	阮氏○草	NGUYEN THI THU THAO	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
62.	大學部 Bachelor	黎○良	LE THI LANH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
63.	大學部 Bachelor	黎阮○玲	LE NGUYEN DIEU LINH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
64.	大學部 Bachelor	謝氏○莊	TA THI MAI TRANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
65.	大學部 Bachelor	陳○緣	TRAN THAO DUYEN	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
66.	大學部 Bachelor	阮氏○香	NGUYEN THI NGOC HUONG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
67.	大學部 Bachelor	丁○妝	DINH THI TRANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
68.	大學部 Bachelor	黎○蓉	LE HONG NHUNG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
69.	大學部 Bachelor	梁河○兒	LUONG HA NGOC NHI	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
70.	大學部 Bachelor	范氏○絨	PHAM THI HONG NHUNG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
71.	大學部 Bachelor	黎氏○賢	LE THI CHUC HIEN	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
72.	大學部 Bachelor	李氏○恒	LY THI THU HANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi

73.	大學部 Bachelor	潘氏○莊	PHAN THI THAO TRANG	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
74.	大學部 Bachelor	范○平	PHAM THAI BINH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi
75.	大學部 Bachelor	郭○玲	QUACH THAO LINH	越南 Việt Nam	備取 Dự bi